

Số: 262/2021/QĐST-HNGĐ

*Gò Vấp, ngày 22 tháng 3 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ các điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014,

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 28/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Chị Nguyễn Mộng N, sinh năm: 1993

Địa chỉ cư trú: Số 2B đường Q, Phường M, quận G, TP. Hồ Chí Minh.

- Anh Nguyễn Trần S, sinh năm: 1985

Địa chỉ cư trú: Số 7H đường Q, Phường M, quận G, TP. Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Hôn nhân giữa chị Nguyễn Mộng N và anh Nguyễn Trần S là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 1H, quyền số 01/2014 ngày 05/6/2014 của Ủy ban nhân dân Phường M, quận G, TP. Hồ Chí Minh.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 29/12/2020 và tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 12/3/2021, chị N và anh S yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Chị N và anh S có hai con chung tên Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 03/7/2014 và Nguyễn Ngọc Như T, sinh ngày 07/12/2018, hai bên thỏa thuận chị N là người

trực tiếp nuôi trẻ Nguyễn Ngọc Như T và anh S nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Ngọc N đến trưởng thành. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung chị N và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, chị N và anh S thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Mộng N và anh Nguyễn Trần S thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 1H, quyền số 01/2014 ngày 05/6/2014 của Ủy ban nhân dân Phường M, quận G, TP. Hồ Chí Minh cấp cho chị N và anh S hết hiệu lực.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 03/7/2014 và Nguyễn Ngọc Như T, sinh ngày 07/12/2018. Hai bên thỏa thuận chị Nguyễn Mộng N trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Ngọc Như T, sinh ngày 07/12/2018 và anh Nguyễn Trần S nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 03/7/2014 đến tuổi trưởng thành. Anh S và chị N không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh S, chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các bên có thể thỏa thuận thay đổi phương thức cấp dưỡng, tạm ngừng cấp dưỡng trong trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng lâm vào tình trạng khó khăn về kinh tế mà không có khả năng thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị N và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Mộng N và anh Nguyễn Trần S phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và được căn trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị N và anh S đã đóng tạm ứng lệ phí theo Biên lai số AA/2019/0027785 ngày 11/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp; đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

*Đã ký*

**Lê Thị Thành Huế**